

Số: 2103 /TCT-CS
V/v thuế GTGT.

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2018

Kính gửi: Cục Thuế thành phố Hà Nội.

Trả lời công văn số 7947/CT-KTrT4 ngày 28/02/2018 và công văn số 7133/CT-KTrT4 ngày 13/02/2018 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về chính sách thuế giá trị gia tăng đối với tài nguyên, khoáng sản; Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Tại khoản 1 Điều 1 Luật số 106/2016/QH13 ngày 19/4/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT như sau:

“1. Các khoản 1, 9 và 23 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

...

23. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên.”

Tại điểm b Khoản 1 Điều 12 Luật thuế giá trị gia tăng hợp nhất quy định như sau:

“Điều 12. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như sau:

...

b) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng...”

Tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT như sau:

“11. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc đã chế biến thành sản phẩm khác nhưng tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất

sản phẩm trở lên được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên.

Tài nguyên, khoáng sản quy định tại khoản này là tài nguyên, khoáng sản có nguồn gốc trong nước gồm: Khoáng sản kim loại; khoáng sản không kim loại; dầu thô; khí thiên nhiên; khí than.

Trị giá tài nguyên, khoáng sản là giá vốn tài nguyên, khoáng sản đưa vào chế biến; đối với tài nguyên, khoáng sản trực tiếp khai thác là chi phí trực tiếp, gián tiếp khai thác ra tài nguyên khoáng sản; đối với tài nguyên, khoáng sản mua để chế biến là giá thực tế mua cộng chi phí đưa tài nguyên, khoáng sản vào chế biến.

Chi phí năng lượng gồm: Nhiên liệu, điện năng, nhiệt năng.

Việc xác định trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng căn cứ vào quyết toán năm trước; trường hợp doanh nghiệp mới thành lập chưa có báo cáo quyết toán năm trước thì căn cứ vào phương án đầu tư.

Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này.”

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 01/02/2018, sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 3 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ (đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016) về đối tượng không chịu thuế GTGT.

Căn cứ hướng dẫn tại điểm c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính (sửa đổi, bổ sung khoản 23 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC) về đối tượng không chịu thuế GTGT.

Căn cứ các quy định và hướng dẫn nêu trên:

Từ ngày 01/07/2016 đến trước ngày 01/02/2018, trường hợp, sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản đã qua chế biến thành sản phẩm khác hoặc sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được sản xuất từ tài nguyên, khoáng sản thì doanh nghiệp thực hiện tính tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm để xác định thuế GTGT cho phù hợp.

Trường hợp, tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên thì sản phẩm xuất khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Trường hợp, tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng chiếm dưới 51% giá thành sản phẩm thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 12 Luật số 13/2008/QH12.

Từ ngày 01/02/2018, chính sách thuế giá trị gia tăng đối với sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản thực hiện theo quy định

tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ.

Cục Thuế thành phố Hà Nội hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện theo quy định.

Tổng cục Thuế có ý kiến đề Cục Thuế thành phố Hà Nội được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TCTr Cao Anh Tuấn;
- Vụ PC - BTC;
- Vụ PC - TCT;
- Website Tổng cục Thuế;
- Lưu: VT, CS (3).

